

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2020*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA**

**I. Thông tin chung về nhiệm vụ:**

1. Tên nhiệm vụ, mã số: Nghiên cứu đề xuất giải pháp khoa học - công nghệ khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên nước phục vụ phòng chống hạn, đảm bảo an ninh nguồn nước cho vùng duyên hải Nam Trung Bộ. Mã số: KC.08.15/16-20.

Thuộc:

- Chương trình (*tên, mã số chương trình*): Nghiên cứu KH&CN phục vụ bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai. Mã số: KC.08.15/16-20.
- Khác (*ghi cụ thể*):

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

- + Đánh giá được hiện trạng tài nguyên nước (nước mặt, nước ngầm), hiện trạng hạn hán vùng duyên hải Nam Trung Bộ;
- + Đề xuất được hệ thống giám sát hạn, các giải pháp khai thác sử dụng hợp lý, đảm bảo an ninh nguồn nước ứng phó với hạn hán thường xuyên xảy ra vùng duyên hải Nam Trung Bộ;
- + Xây dựng được kế hoạch sử dụng nước cho các phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi nhằm ứng phó hiệu quả với tình hình hạn hán vùng duyên hải Nam Trung Bộ.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: GS. TS Lê Sâm

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

5. Tổng kinh phí thực hiện: **6.500.000.000 đ**

Trong đó, kinh phí từ NSKH: **6.500.000.000** đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: **0** đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: Tháng 9/2017.

Kết thúc: Tháng 8/2020.

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền (*nếu có*):

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

STT	Họ và tên	Chức danh thực hiện	Cơ quan công tác
1	GS.TS. Lê Sâm	Chủ nhiệm	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam - Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam
2	ThS.NCS. Nguyễn Đình Vượng	Thư ký	Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam - Viện KHTL Việt Nam
3	PGS.TS. Nguyễn Tùng Phong	Thành viên chính	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam
4	PGS.TS. Võ Khắc Trí	Thành viên chính	Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam - Viện KHTL Việt Nam
5	TS. Hà Hải Dương	Thành viên chính	Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường - Viện KHTL Việt Nam
6	TS. Ngô Tuấn Tú	Thành viên chính	Liên đoàn QH và Điều tra Tài nguyên nước Miền Trung
7	TS. Hồ Huy Cường	Thành viên chính	Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp DH Nam Trung Bộ
8	TS. Nguyễn Lương Bằng	Thành viên chính	Trường Đại học Thủy lợi
9	ThS. Nguyễn Tấn Hương	Thành viên chính	Đài KTTV khu vực NTB
10	ThS.NCS. Nguyễn Quốc Hiệp	Thành viên chính	Trung tâm Công nghệ Phần mềm Thủy lợi – Viện KHTL Việt Nam

**II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

STT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
<b>I</b>	<b>Sản phẩm dạng II</b>									
1	Báo cáo hiện trạng tài nguyên nước (nước mặt, nước ngầm) vùng duyên hải NTB		x			x			x	
2	Báo cáo đánh giá thực trạng hạn hán vùng duyên hải NTB.		x			x			x	

STT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
3	Báo cáo hệ thống giám sát hạn hán thời gian thực cho vùng NTB trên nền tảng Web-GIS, các giải pháp khai thác sử dụng hợp lý, đảm bảo an ninh nguồn nước ứng phó với hạn hán thường xuyên vùng duyên hải NTB.		x			x			x	
4	Cơ sở khoa học khai thác sử dụng nước cho vùng duyên hải NTB theo các phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi nhằm ứng phó hiệu quả với tình hình hạn hán xảy ra.		x			x			x	
5	Đề xuất một số giải pháp ngắn và dài hạn bảo vệ phát triển tài nguyên nước nhằm giảm thiểu thiệt hại do hạn hán gây ra cho các tỉnh vùng NTB thích ứng với BĐKH.		x			x			x	
6	Bản đồ tài nguyên nước mặt vùng duyên hải NTB, tỷ lệ 1:200.000		x			x			x	
7	Bản đồ tài nguyên nước mưa vùng duyên hải Nam Trung Bộ (Tỷ lệ 1:200.000).		x			x			x	
8	Bản đồ tài nguyên nước ngầm vùng duyên hải NTB, tỷ lệ 1:200.000		x			x			x	



STT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
9	Bản đồ hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước ngầm, tỷ lệ 1:200.000 cho vùng duyên hải Nam Trung Bộ.		x			x			x	
10	Bản đồ phân vùng hạn khí tượng, thủy văn vùng duyên hải NTB, tỷ lệ 1:200.000		x			x			x	
11	Bản đồ phân vùng hạn nông nghiệp vùng duyên hải NTB, tỷ lệ 1:200.000		x			x			x	
12	Báo cáo Tổng hợp kết quả KHCN đề tài (Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt).		x			x			x	
<b>II</b>	<b>Sản phẩm dạng III</b>									
1	Bài báo trong nước		x			x			x	
2	Bài báo Quốc tế		x			x			x	
<b>III</b>	<b>Kết quả đào tạo</b>									
1	Trình độ Thạc sỹ		x			x			x	
2	Cung cấp tài liệu đào tạo Tiến sĩ		x			x			x	

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

STT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1				
2				

### 1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

STT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1				
2				

## 2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

Kết quả nghiên cứu góp phần:

- Cung cấp một tư duy, cách tiếp cận mới trong quản lý tài nguyên nước phòng chống hạn hán thích ứng với biến đổi khí hậu theo các lưu vực sông một cách khoa học và thực tế;
- Xây dựng được phương pháp, quy trình và công cụ kiểm kê nguồn nước phục vụ phòng chống hạn hán và điều hành cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vùng Nam Trung Bộ;
- Cung cấp một cơ sở khoa học cơ sở khoa học khai thác sử dụng nguồn nước vùng duyên hải Nam Trung Bộ theo các phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi nhằm ứng phó hiệu quả với hạn hán xảy ra;
- Làm giàu cơ sở dữ liệu khoa học về các vùng đất tiềm năng của các tỉnh Nam Trung Bộ và hệ sinh thái đa dạng của các lưu vực sông cho nhiều ngành khoa học liên quan khác như: Khoa học về phát triển và quản lý nguồn nước; Khoa học đất; Khoa học về môi trường, sinh thái; Khoa học dự báo hạn hán,...;
- Cung cấp CSDL phương án/ giải pháp khai thác sử dụng nước hợp lý và giám sát hạn hán trên nền tảng Web-GIS và kế hoạch sử dụng nước trong nông nghiệp cho vùng Nam Trung Bộ.

## 3. Về hiệu quả của nhiệm vụ

### 3.1. Hiệu quả kinh tế

- Sản phẩm của đề tài đóng góp vào việc xác lập quan hệ giữa quản lý tài nguyên nước, quản lý công trình thủy lợi với quy hoạch sản xuất nông nghiệp,... và sẽ trợ giúp các nhà quản lý ở Trung ương và địa phương định ra các quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội theo hướng bền vững;

### 3.2. Hiệu quả xã hội

- Kết quả của nghiên cứu này phục vụ thiết thực cho việc phát triển kinh tế - xã hội, tập trung vào sản xuất nông nghiệp và dân sinh vùng Nam Trung Bộ trong điều kiện hạn hán cũng như dự báo thiếu nước, thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Sản phẩm của đề tài là giải pháp tổng hợp nâng cao hiệu quả sử dụng nước phục vụ cho dự báo, cảnh báo hạn hán và các giải pháp này sẽ góp phần làm giảm thiểu các tác động của hạn hán phục vụ phát triển bền vững kinh tế và ổn định xã hội;
- Góp phần thực hiện thành công chiến lược Quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai mà cụ thể là hạn hán và bảo vệ môi trường cho vùng Nam Trung Bộ

### III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

#### 1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng)

- Nộp hồ sơ đúng hạn
- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng
- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

#### 2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc
- Đạt
- Không đạt

Giải thích lý do

.....

.....

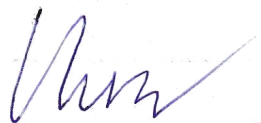
.....

.....

.....

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

**CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**  
(Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký)



GS.TS. Lê Sâm

**THỦ TRƯỞNG**  
**TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**  
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)



  
Nguyễn Vũ Việt